TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 65/2018/DS-ST
Ngày: 07/12/2018
"V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hùng;

Ông Nguyễn Văn Sĩ.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Bà Đàm Thị Mỏl - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018, về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn L1, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1/. Ông Cao Văn L, sinh năm 1932;

2/. Ông Cao Văn S, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Cao Thị T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1963 (vợ ông L1);

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1936 (vợ ông L);

3. Ông Cao Văn Đ, sinh năm 1979 (con ông L);

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995 (cháu ông L);

5. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1974 (vợ ông S);

6. Chị Nguyễn Thị Cẩm A, sinh năm 1995 (con ông S);

7. Chị Cao Thị Cẩm G, sinh năm 1977 (con ông S).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà K, bà T và ông S có mặt tại phiên tòa. Bà L, ông , anh L, bà G, chị Cẩm A và chị Cẩm G có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/11/2017; biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2018; biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên toà bà Trần Thị Kim K (đại diện theo ủy quyền của ông L1), đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Vợ chồng bà có diện tích đất 856m^2 (chiều ngang 9 mét, chiều dài từ Quốc lộ 30 cho đến lộ làng) thuộc thửa 1301, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phan Văn L1 đứng tên, đất tọa lạc tại ấp V, xã A, huyện T. Do trước đây ông Cao Văn L và ông Cao Văn S có xây cất nhà lấn qua phần đất của vợ chồng bà, cụ thể: Phần ông L cất nhà dài 24,7m chiều ngang lấn chiếm sang đất của vợ chồng bà là 0,6m, phần ông S cất nhà dài 10m chiều ngang lấn chiếm sang đất của vợ chồng bà là 0,8m. Do thời điểm ông L và ông S cất nhà ở, vợ chồng bà chưa có nhu cầu sử dụng phần đất trên nên không yêu cầu ông L và ông S trả lại phần đất lấn chiếm. Đến đầu năm 2017, vợ chồng bà có nhu cầu sử dụng phần đất trên nên có yêu cầu ông L và ông S trả lại phần đất đã lấn chiếm thì ông L và ông S cho rằng không có lấn chiến đất của vợ chồng bà.

Qua đo đạc thực tế hiện nay, phần ông L và ông S lấn ranh đất của bà chiều ngang phía trước 0,15m, chiều ngang sau hậu 0,85m, chiều dài 33,8m, tổng diện tích là 17m^2.

Nay bà yêu cầu ông Cao Văn L và ông Cao Văn S phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại quyền sử dụng đất với chiều ngang phía mặt tiền (QL30) 0,15m, chiều ngang sau hậu 0,85m, chiều dài 33,8m diện tích tranh chấp 17m^2 thuộc một phần thửa 1301, tờ bản đồ số 04, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, cho vợ chồng bà quản lý và sử dụng.

Tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa đại diện bị đơn bà Cao Thị T trình bày: Phần đất mà cha bà (ông L) đang quản lý và sử dụng hiện nay, có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn N sang nhượng lại cho cha bà vào khoảng năm 1994, chiều ngang 10 mét, chiều dài từ Quốc lộ 30 cho đến sau hậu nhà của ông S, 1 bên giáp với ông C còn 1 bên giáp với ông L1. Lúc cha bà sang nhượng phần đất trên có kêu các bên giáp ranh lại với nhau,

không ai tranh chấp gì. Sau khi mua phần đất trên, gia đình bà tiến hành sang lấp mặt bằng và cất nhà ở cho đến nay. Đến khoảng năm 2016, giữa ông L1 và ông Đ tranh chấp ranh đất với nhau, lúc đó ông L1 tự cắm trụ đá qua đất của cha bà chiều ngang khoảng 6 đến 7 tấc.

Nay ông L1 khởi kiện yêu cầu cha bà giao trả lại đất, bà không đồng ý vì không có lấn ranh đất của ông L1.

- *Tại tờ tường trình ngày 10/4/2018; biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2018; biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 và tại phiên tòa ông Cao Văn S trình bày:* Phần đất mà ông đang cất nhà ở hiện nay, có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn N sang nhượng lại cho cha ông vào khoảng năm 1994, chiều ngang 10 mét, chiều dài từ Quốc lộ 30 cho đến sau hậu nhà của ông S, 1 bên giáp với ông C còn 1 bên giáp với ông L1. Lúc cha ông sang nhượng phần đất trên có kêu các bên giáp ranh lại với nhau, không ai tranh chấp gì. Sau khi mua phần đất trên, gia đình ông tiến hành sang lấp mặt bằng và cất nhà ở cho đến nay. Lúc đó cha ông chỉ sử dụng phần phía mặt tiền để cất nhà ở, còn phía sau hậu thì cha ông cho ông cất nhà ở từ năm 2002. Lúc ông cất nhà ở thì không ai tranh chấp gì. Đến khoảng năm 2016 giữa ông L1 và ông Đ tranh chấp ranh đất với nhau, lúc đó ông L1 tự cắm trụ đá qua đất của cha ông chiều ngang khoảng 6 đến 7 tấc.

Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của ông L1 vì không có lấn ranh đất của ông L1.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình đối với vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Luật Đất đai, Điều 175 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Văn L1 đối với ông Cao Văn L và Cao Văn S. Buộc ông L trả lại phần đất đã lấn chiếm (phần chưa sử dụng). Đối với phần đất lấn chiếm, ông L và ông S cất nhà ở ổn định, nên buộc ông L và ông S trả lại giá trị đất đã lấn chiếm cho ông L1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất tranh chấp trước giữa các đương sự có diện tích là 17m^2 (chiều ngang phía mặt tiền (QL 30) là 0,15 mét, chiều ngang sau hậu là 0,85 mét,

chiều dài 33 mét). Trong đó: phần đất tranh chấp giữa ông L1 và ông L có diện tích là 7,6m^2, phần đất tranh chấp giữa ông L1 và ông S có diện tích là 9,4m^2. Trong phần đất tranh chấp giữa ông L1 và ông L có 1 phần căn nhà của ông L, chiều ngang sau hậu 0,45 mét, chiều dài 11,2 mét, chiều ngang mặt tiền 0 mét. Tổng diện tích căn nhà dính vào phần đất tranh chấp là 2,5m^2, nhà cấp 4, xây bằng bê tông. Phần đất tranh chấp giữa ông L1 và ông S có 1 phần căn nhà của ông S, chiều ngang sau hậu 0,83 mét, chiều dài 8,7 mét, chiều ngang mặt tiền 0,65 mét. Tổng diện tích căn nhà dính vào phần đất tranh chấp là 6,5m^2, nhà sàn, nóng bằng bê tông, khung gổ tạp, mái lợp tole.

[1] Xét yêu cầu của ông L1, về việc yêu cầu ông L phải giao trả lại phần diện tích đã lấn chiếm có diện tích là 7,6m^2 và ông S phải giao trả lại phần diện tích đã lấn chiếm là 9,45m^2, cho ông quản lý và sử dụng là có căn cứ chấp nhận, bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà T (đại diện cho ông L) và ông S đều thừa nhận: Phần đất của ông L và ông S đang quản lý và sử dụng hiện nay có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn N sang nhượng lại cho ông L vào năm 1994, với diện tích chiều ngang là 10 mét, chiều dài 33 mét. Sau khi ông L sang nhượng phần đất trên, ông có sang nhượng lại cho ông C 01 phần diện tích trên, với chiều ngang là 4,5 mét, phần diện tích của ông còn lại có chiều ngang là 5,5 mét. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, phần diện tích đất của ông L và ông L1 giáp nhau (phía Quốc lộ 30) có 1 cây trụ đá, phía sau hậu nhà ông S có 1 cây trụ đá và phía giáp lộ làng có 1 cây trụ đá, tại phiên tòa, bà K, ông S và bà T (đại diện cho ông L) đều thừa nhận: cây trụ đá giáp Quốc lộ 30 hiện nay do Văn phòng đăng ký đất đai (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) kết hợp với Ủy ban nhân xã A, trồng để xác định ranh đất giữa ông L và ông L1, còn cây trụ đá phía sau nhà ông S và phía Lộ làng do các bên trồng để xác định ranh đất giữa các bên, qua xem xét thẩm định tại chỗ: lấy từ trụ đá (phía giáp Quốc lộ 30) nối thẳng đến trụ đá phía sau hậu nhà ông S và trụ đá phía giáp Lộ làng thì phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất của ông L1. Mặc khác, phần diện tích của ông L hiện nay có chiều ngang là 5,5 mét, đủ theo diện tích ông L đã sang nhượng của ông N. Như vậy, có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông L1, nên việc ông L1yêu cầu ông L và ông S giao trả lại phần đất đã lấn chiếm là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[2] Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà T và ông S trình bày: Trước đây giữa ông L1 và ông Đ (người cặp ranh đất với ông L1) có phát sinh tranh chấp ranh giữa 2 bên nên ông L1 có di dời trụ đá phía sau hậu nhà ông S ranh lấn qua đất của gia đình ông khoảng 0,6 mét. Xét thấy lời trình bày này là không có căn cứ để chấp nhận, bởi vì, qua làm việc với ông

Đ không thừa nhận từ trước đến giờ giữa ông và ông L1 có tranh chấp với nhau, trụ đá ranh giữa ông Đ và ông L1 được các bên thỏa thuận trồng từ rất lâu (trước khi ông N sang nhượng đất cho ông L). Mặc khác, như đã phân tích phần trên, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì phần diện tích đất của ông L sử dụng hiện nay vẫn đủ theo diện tích đất đã sang nhượng của ông N. Do đó, không có căn cứ để xác định ông L1 di dời trụ đá lấn chiếm đất của ông nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông S và bà T.

[3] Đối với yêu cầu của ông L1, yêu cầu ông L phải di dời 1 phần căn nhà để giao trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông quản lý và sử dụng là chưa phù hợp với hiện trạng thực tế. Bởi vì, tuy hiện nay có căn cứ xác định ông L cất nhà ở đã lấn ranh đất của ông L1, nhưng phần đất này ông L đã cất nhà ở ổn định từ năm 1998. Nhà của ông L được xây cất bằng bê tông, trong quá trình ông L cất nhà ở, bên ông L1 biết nhưng ông không có ý kiến hay tranh chấp gì. Hơn nữa, phần diện tích đất ông L lấn chiếm không lớn nên việc di dời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến phần còn lại của căn nhà ông L. Mặc khác, tại biên bản hòa giải ngày 30/10/2018, bà K (đại diên cho ông L1) cho rằng trong quá trình ông L xây cất nhà ông biết nhưng do thời điểm trên, ông chưa có nhu cầu sử dụng phần đất trên, nên ông không có tranh chấp hay ngăn cản việc ông L xây cất nhà lấn qua đất của ông. Mặc khác, phần diện tích đất của ông L1 còn lại hiện nay cũng nhiều, đủ để ông L1 sử dụng. Do đó, nghĩ nên buộc ông L trả lại giá trị phần đất đã lấn chiếm cho ông L1, giữ y hiện trạng phần đất trên cho ông L quản lý và sử dụng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của ông L1, yêu cầu ông S di dời phần căn nhà, để giao trả lại phần đất đã lấn chiếm cho ông quản lý và sử dụng cũng không phù hợp với hiện trạng thực tế. Bởi vì, tuy hiện nay có căn cứ xác định ông S đã lấn ranh đất của ông L1, nhưng phần đất này ông S đã sử dụng để cất nhà ở, trong quá trình ông S cất nhà ở, bên ông L1 biết nhưng ông không có ý kiến hay tranh chấp gì. Hơn nữa, phần diện tích lấn chiếm không lớn nên việc di dời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến phần còn lại của căn nhà ông S. Do đó, nghĩ nên buộc ông S trả lại giá trị phần đất đã lấn chiếm cho ông L1, giữ y hiện trạng phần đất trên cho ông S quản lý và sử dụng là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[5] Căn cứ vào biên bản định giá ngày 08/5/2018, của Hội đồng định giá huyện Tam Nông xác định, phần đất tranh chấp giữa các bên hiện nay có giá là 100.000đ/m^2, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, bà T (đại diện cho ông L) và ông S thống nhất tự nguyện trả lại giá trị phần đất đã lấn chiếm cho ông L1 là 1.000.000đ/m^2, là có lợi cho ông L1. Do đó, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với phần diện tích đất ông S đang cất nhà ở hiện nay, do ông L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại phiên tòa ông S đồng ý trả lại giá trị đất cho ông L1 và thống nhất điều chỉnh lại phần diện tích đất mà ông đã trả giá trị cho ông L1, cho ông L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyện trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[7] Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc thực tế thể hiện: Phần diện tích ông L và ông S lấn ranh đất của ông L1 là 17m^2. Trong đó phần ông L lấn chiếm là 7,6m^2, đã sử dụng cất nhà ở là 3m^2, phần chưa sử dụng là 4,6m^2, nghĩ nên buộc ông L giao trả lại phần diện tích đã lấn chiếm (phần chưa sử dụng) và trả lại giá trị phần đất đã cất nhà ở là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[8] Đối với phần đất của ông S lấn chiếm hiện nay là 9,4m^2. Trong đó phần đất ông S cất nhà ở là 6,5m^2, phần diện tích còn lại 2,9m^2 là phần sân nhà của ông S, nghĩ nên buộc ông S trả lại giá trị phần đất đã lấn chiếm là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tóm lại: Buộc ông L có trách nhiệm trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông L1 (phần chưa sử dụng), cho ông L1 quản lý và sử dụng. Đối với phần diện tích đã lấn chiếm và đã cất nhà ở ổn định thì phải trả lại giá trị đất cho ông L1, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Do yêu cầu của ông L1 là có căn cứ chấp nhận, nên ông L và ông S phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá. Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông L1 đã tạm ứng số tiền trên, nghĩ nên buộc ông L và ông S có trách nhiệm trả lại cho ông L1 là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Ông L và ông S phải chịu án phí theo quy định, tuy nhiên, ông L thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nghĩ nên miễn án phí cho ông L là đúng theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 175 Bộ Luật Dân sự; Điều 166 Luật Đất đai; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn L1 đối với ông Cao Văn L và ông Cao Văn S.

2/ Ranh đất giữa ông Phan Văn L1 với ông Cao Văn L và Cao Văn S được xác định như sau:

Hướng Đông giáp với Quốc lộ 30, lấy từ trụ đá ranh giữa đất ông Đ và ông L1 giáp nhau (mốc số M 12), đo theo hướng Bắc, đến trụ đá giáp ranh giữa đất ông L1 và ông L (mốc M 6) có chiều dài là 8,95 mét, là ranh giữa 2 bên.

Hướng Nam giáp với đất ông L1, lấy từ trụ đá mốc M 6 (lấy mép trụ đá giáp bên ông L), đo theo hướng Tây, đến điểm M 13 có chiều dài là 8,47 mét.

Hướng Nam giáp với đất ông L1, lấy từ mốc M 13 đo theo hướng Tây đến điểm M 14 có chiều dài là 15,59 mét.

Hướng Nam giáp với đất ông L1, lấy từ mốc M 14 đo theo hướng Tây, đến điểm M 10 có chiều dài là 14,1 mét.

Hướng Tây giáp với đất ông L1, lấy từ mốc M 10 đo theo hướng Bắc, đến giáp đất ông N điểm M 9 có chiều dài là 0,85 mét.

Nối từ mốc M 6 (vách giáp đất ông L) đến mốc M 13 thành 1 đường thẳng có chiều dài là 8,47 mét, nối từ mốc M 13 đến mốc M 14 thành 1 đường thẳng có chiều dài là 15,59 mét, nối từ mốc M 14 đến Mốc M 10 thành 1 đường thẳng có chiều dài là 14,1 mét, nối từ mốc M 10 đến mốc M 9 thành 1 đường thẳng có chiều dài là 0,85 mét là ranh đất giữa các bên.

Theo sơ đồ đo đạc ngày 06/8/2018của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2018 của Tòa án.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các bên được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất.

Cây cối, tài sản, vật kiến trúc của bên nào lấn chiếm ranh đất, phải có nghĩa vụ đốn bỏ, tháo dở, di dời theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền sử dụng đất giữa các bên.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01575, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30/9/2009, do ông Phan Văn L1 đứng tên, để điều chỉnh lại thửa đất số 1301, tờ bản đồ số 2, theo hiện trạng trên.

3/ Chấp nhận sự tự nguyện của ông Cao Văn L, trả lại cho ông Phan Văn L1 giá trị phần đất đã lấn chiếm là 3m^2, với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

4/ Chấp nhận sự tự nguyện của ông Cao Văn S, trả lại cho ông Phan Văn L1 giá trị phần đất đã lấn chiếm là 9,4m^2, với số tiền là 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

5/ Ông Cao Văn L và ông Cao Văn S có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Văn L1 số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá là 1.497.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

6/ Về án phí:

Ông Cao Văn S phải chịu 470.000đ (Bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Cao Văn L được miễn toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ